

Số: *01* /BC-UBND

Quỳ Châu, ngày *02* tháng 01 năm 2019

BÁO CÁO
Tổng kết công tác Y tế - Dân số/KHHGD năm 2018
Phương hướng nhiệm vụ năm 2019

I. Đặc điểm tình hình.

*** Thuận lợi:**

- Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền; sự chỉ đạo giúp đỡ của Sở Y tế và các trung tâm, bệnh viện tuyến tỉnh, chỉ cụt dân số và sự nhiệt tình trong công tác của đội ngũ cán bộ.

- Mạng lưới y tế, dân số đặc biệt là y tế cơ sở ngày càng được củng cố và phát triển.

*** Khó khăn:**

- Mô hình tổ chức y tế không ổn định gây nên dư luận và ảnh hưởng đến tư tưởng của cán bộ.

- Trình độ và năng lực của một số cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu; kinh phí cho công tác y tế, dân số chưa đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ.

II. Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018.

1. Công tác tham mưu, quản lý, chỉ đạo (Phụ lục 1).

Tham mưu cho Huyện uỷ ban hành các văn bản hướng dẫn, theo dõi quản lý các hoạt động y tế - Dân số/KHHGD các tuyến đảm bảo chất lượng phục vụ nhân dân, không có những sai sót lớn xảy ra.

- Tiếp tục chỉ đạo các xã, thị trấn tổ chức thực hiện Đề án số 11- ĐA/HU ngày 11/5/2016 về nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân giai đoạn 2016 – 2020; Kế hoạch số 22 - KH/HU ngày 08/4/2016 của Huyện uỷ về việc thực hiện công tác Dân số-/KHHGD giai đoạn 2016 – 2020. Trong năm đã ban hành 12 kế hoạch, 02 quyết định cơ chế chính sách, 04 quyết định kiểm tra, 4 quyết định kiện toàn ban chỉ đạo, 21 báo cáo và 30 văn bản chỉ đạo khác của UBND huyện và các văn bản của phòng Y tế, Trung tâm DS/KHHGD.

- Thành lập các đoàn thăm hỏi, tặng quà cho các đơn vị y tế nhân dịp kỷ niệm 62 năm ngày Thầy thuốc Việt Nam.

- Chỉ đạo các xã thực hiện phong trào xây dựng nông thôn mới và xây dựng xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

- Báo cáo kết quả 2 năm thực hiện Đề án số 11- ĐA/HU ngày 11/5/2016 về nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân giai đoạn 2016 – 2020; Kế hoạch số 22 - KH/HU ngày 08/4/2016 của Huyện uỷ Quỳ Châu về việc thực hiện công tác Dân số/KHHGD giai đoạn 2016 – 2020; báo cáo sơ kết Chì thị số 09 - CT/TU về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 20 - NQ/TU về tiếp tục đẩy mạnh công tác DS-KHHGD trong tình hình mới; báo cáo kết quả 1 năm thực hiện xây dựng xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế.

- Tổ chức kiểm tra đôn đốc thực hiện công tác khám chữa bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm, hành nghề y – dược; kiểm tra việc thực hiện công tác Dân số - KHHGD tại các xã, thị trấn trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch năm 2018, thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Thường xuyên chỉ đạo đội ngũ cán bộ viên chức Dân số xã làm tốt công tác tham mưu nòng cốt triển khai các hoạt động của Chương trình DS-KHHGD tại cơ sở.

- Chỉ đạo các xã, thị trấn phối hợp các đoàn thể quần chúng tuyên truyền giáo dục sức khỏe, vận động nhân dân thực hiện chính sách Dân số-KHHGD, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, giảm sinh con thứ 3 trở lên, chăm sóc sức khỏe sinh sản cho đối tượng 15-49 tuổi có chồng. Trong năm 2018 đã tổ chức tuyên truyền trực tiếp 7.650 đối tượng, thăm hộ 445 lượt đối với những cặp vợ chồng sinh con một bề; tuyên truyền qua các cuộc họp 101 cuộc, số bài phát thanh tại các xã, thị trấn: 46 bài; treo 111 băng rôn tại các xã.

2. Công tác kiểm tra, phối hợp liên ngành (Phụ lục 2)

Thực hiện chỉ đạo các phòng, ban, ngành, đoàn thể, UBND các xã, thị trấn phối hợp triển khai công tác y tế - DS/KHHGD, trong năm đã tổ chức phối hợp ngành được 20 cuộc cấp huyện và trên 250 cuộc phối hợp liên ngành cấp xã về công tác kiểm tra, giám sát và tuyên truyền vận động triển khai công tác y tế, DS/KHHGD.

3. Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, DS/KHHGD.

- Tổ chức các hoạt động Truyền thông – Giáo dục người dân về bảo vệ sức khỏe, phòng chống các dịch bệnh nguy hiểm, thực hiện các chương trình mục tiêu y tế quốc gia trên truyền hình, loa truyền thanh của các xã, loa phát thanh các thôn bản, treo băng rôn, áp phích, tờ rơi, qua các buổi họp dân, họp các tổ chức đoàn thể phụ nữ, thanh niên, niêm yết các chế độ chính sách, thủ tục hành chính tại TTYT, TYT. Thực hiện tốt đề án nâng cao ý thức phục vụ tốt công tác chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Triển khai phổ biến các chế độ, chính sách liên quan đến khám chữa bệnh BHYT.

- Tổ chức 5 lớp tập huấn công tác quản lý nhà nước về VSATTP cho Trưởng thôn, y tế bản và chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thức ăn đường phố, cán bộ cấp dưỡng các trường học có tổ chức ăn bán trú trên địa bàn.

- Phối hợp với các ban, ngành đoàn thể các xã, thị trấn tổ chức truyền thông vận động nhân dân hưởng ứng chiến dịch CSSKSS/KHHGD năm 2018 tại các xã, thị trấn.

- Phối hợp LĐLĐ huyện tổ chức tư vấn CSSKSS/KHHGD cho CBCNVCLĐ tại xã Châu Bính.

- Trung tâm DS/KHHGD phối hợp với phòng GD&ĐT thực hiện tư vấn và khám lần 2 cho các em học sinh tại Trường Tiến Thắng và Trường Hoàn Lãm

- Tổ chức tọa đàm ngày Dân số Việt Nam, phát động tháng hành động dân số và ngày dân số thế giới.

- Treo băng rôn truyền truyền về an toàn thực phẩm, HIV/AIDS, các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế về tiêm chủng, về phòng chống lao, phòng chống bệnh đái tháo đường, Tăng huyết áp.....

- Triển khai tháng hành động vì ATTP, tổ chức Lễ phát động diễu hành hưởng ứng tháng hành động vệ sinh an toàn thực phẩm năm 2018 tại sân vận động

xã Châu Hạnh có lãnh đạo UBND và đại diện các ban ngành đoàn thể huyện; lãnh đạo các xã, thị trấn Tân Lạc; trên 200 hội viên hội phụ nữ, đoàn thanh niên tham gia.

- Phát bài truyền truyền về giáo dục sức khỏe, DS/KHHGD trên sóng đài truyền hình huyện với 02 phóng sự về ATTP, DS/KHHGD trên sóng truyền hình huyện phát 32 buổi, phát xã 1.245 buổi, phát xóm bản 848 buổi; Tổ chức nói chuyện chuyên đề 227 cuộc 22.700 lượt người, Thăm hộ gia đình 525 lượt, Tư vấn trực tiếp về chăm sóc sức khỏe 2.259 lượt; Cấp phát tài liệu 1167 tập; tờ gấp, tờ rơi 3435 tờ; Áp phích 8; Cẩm nang 18 cuốn; Sách mỏng 73; tranh lật 53, băng hình 2 cái, băng tiếng 10 cái cuốn tài liệu,

- Tuyên truyền, phổ biến các chế độ, chính sách liên quan đến khám chữa bệnh BHYT.

4. Tổ chức phong trào thi đua

4.1. Phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới, (Tiêu chí 15).

Tiếp tục chỉ đạo các xã thực hiện xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã và vận động người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế, năm 2018 có xã Châu Hoàn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế, nâng tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế lên 91,6%. Tuy nhiên, chất lượng một số xã đã xuống cấp như xã Châu Bình(Tỷ lệ sinh con thứ 3 quá cao), xã Châu Thuận, Châu Hạnh(cơ sở vật chất trạm y tế xuống cấp), có xã Diên Lãm được giao chỉ tiêu phấn đấu nhưng không đạt.

4.2. Phong trào thi đua Bệnh viện xanh sạch đẹp của Bộ Y tế.

Thực hiện giám sát việc vệ sinh buồng bệnh, phòng chống nhiễm khuẩn và vệ sinh khuôn viên bệnh viện, các trạm y tế. Trung tâm Y tế thường xuyên làm vệ sinh quang cảnh, trồng cây xanh; trạm y tế thị trấn Tân Lạc thường xuyên sạch đẹp cả trong buồng bệnh và ngoại cảnh; một số trạm y tế đã xây dựng thêm vườn hoa như TYT xã Châu Hội, Châu Hạnh, Châu Thắng, Châu Tiến, Châu Bính, Châu Hoàn. Tuy nhiên, việc vệ sinh buồng bệnh và nhà vệ sinh của TTYT và một số trạm y tế chưa tốt.

4.3. Công tác xây dựng mô hình:

Thành lập các mô hình câu lạc bộ phòng chống HIV/AIDS, mô hình không có người sinh con thứ 3, mô hình sức khỏe sinh sản, sức khỏe vị thành niên, mô hình nam nông dân với công tác dân số/KHHGD...

- Tổng số CLB: 63 (trong đó) CLB không có người sinh con thứ 3⁺ 49 CLB; 03 CLB nam nông dân với chính sách dân số; (thành lập mới 1 CLB Gia đình hạnh phúc tại xã Châu Phong; 02 CLB không sinh con thứ 3 tại xã Diên Lãm); 08 CLB vị thành niên tại xã Châu Bính. 13 câu lạc bộ phòng, chống HIV/AIDS.

- Trong năm 2018 số khối, xóm, bản không có người vi phạm sinh con thứ 3 trở lên là 95/146 xóm, bản tăng 5 xóm, bản so cùng kỳ; xóm, bản đạt 03 năm là 13 xóm, bản; xóm, bản đạt 5 năm là 04 xóm bản; xóm, bản bản đạt 10 năm là 02 xóm, bản và đạt từ 11 - 19 năm là: 09 xóm, (bản đạt 19 năm bản Bản xã Châu Thắng).

5. Kết quả thực hiện chuyên môn về y tế, dân số.

5.1. Công tác y tế dự phòng và thực hiện các chương trình y tế(Phụ lục 3)

5.1.1. Phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm:

Xây dựng kế hoạch hoạt động và thường xuyên chỉ đạo, cử cán bộ phối kết hợp với cán bộ trạm y tế giám sát đối với các bệnh dịch có thể xảy ra tại các xã/thị trấn. Triển khai, sử dụng phần mềm báo cáo, thống kê bệnh truyền nhiễm từ trung tâm đến trạm y tế; báo cáo bệnh truyền nhiễm theo quy định tại Thông tư 54/2015/TT-BYT của Bộ Y tế.

Tổ chức các hoạt động tiêm phòng phòng đại, uốn ván và một số bệnh truyền nhiễm khác tại Trung tâm Y tế. Trong năm 2018 có 355 trường hợp tiêm phòng đại.

5.1.2. Dự phòng và kiểm soát bệnh không lây nhiễm:

Thường xuyên tuyên truyền về các bệnh không lây nhiễm như: Tăng huyết áp, ung thư, tim mạch, đái tháo đường, hen phế quản, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính...Thực hiện khám sàng lọc phát hiện, nghi ngờ giới thiệu tuyến trên kiểm tra, điều trị. Quản lý đầy đủ các bệnh nhân mắc bệnh không lây nhiễm, thực hiện đầy đủ chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

5.1.3. Thực hiện các Chương trình mục tiêu y tế:

5.1.3.1. Phòng chống HIV/AIDS:

Đang triển khai các chương trình dự án, bao gồm: Tiếp cận tại cộng đồng mô hình miền núi, xét nghiệm tiếp cận cộng đồng của Dự án Path, Dự án Quỹ toàn cầu. Các hoạt động được thực hiện chủ yếu: Tổ chức xét nghiệm lưu động tại các xã do Dự án Path hỗ trợ, tư vấn, xét nghiệm cho các đối tượng nguy cơ.

- Tổng số người nhiễm HIV (lũy tích): 919 người.
- Số xã có người nhiễm HIV: 12/12.
- Số người nhiễm HIV mới: 245 người.
- Số người chuyển sang AIDS (lũy tích): 509 người.
- Tử vong do AIDS (lũy tích): 275 người.

5.1.3.2. Chương trình phòng chống Lao:

Thực hiện triển khai khám, xét nghiệm phát hiện bệnh nhân lao mới tại phòng khám lao, chỉ đạo các trạm y tế tăng cường khám, giới thiệu bệnh nhân ghi lao đến khám.

- Xây dựng kế hoạch khám sàng lọc phát hiện lao chủ động cho tất cả người đang uống methadone, người có HIV.

- Số bệnh nhân lao AFB(+): 15 người
- Tỷ lệ điều trị khỏi: 100%

5.1.3.3. Chương trình PCSR:

- Thường xuyên lấy lam máu điều tra KST cho các đối tượng nghi ngờ sốt rét, đối tượng có nguy cơ cao.

- Số người mắc SR lâm sàng: 01 người;
- Số lam máu XN: 2.445 lam, đạt 81 % so với kế hoạch.
- Số KSTSR(+): 00 người.

5.1.3.4. Chương trình tiêm chủng mở rộng:

Triển khai phần mềm quản lý tiêm chủng theo quy định của chương trình TCMR. Xây dựng kế hoạch tiêm chủng năm và theo từng tháng, thực hiện tiêm chủng thường xuyên theo định kỳ. Thực hiện tiêm chủng an toàn và đạt kết quả vượt chỉ tiêu kế hoạch giao. Cụ thể:

- + Tiêm đầy đủ cho trẻ <1 tuổi: 96,6%.

+ Tiêm AT2 cho phụ nữ có thai: 98,8%.

5.1.3.5. Chương trình phòng chống sốt xuất huyết

Tăng cường công tác truyền thông phòng chống bệnh sốt xuất huyết, trong năm chưa phát hiện ca bệnh nào.

5.1.3.6. Chương trình phòng chống tăng huyết áp

Tại đơn vị chưa triển khai chương trình dự án phòng chống tăng huyết áp. Hưởng ứng tuần lễ toàn dân đi đo huyết áp đã tiến hành đo huyết áp cho 523 người bệnh và người nhà người bệnh, phát hiện mới 104 người cao huyết áp tư vấn đăng ký điều trị.

5.1.3.7. Chương trình Phong – Da liễu:

Quản lý và thăm khám, chăm sóc cho bệnh nhân phong tại cộng đồng. Tổ chức khám sàng lọc, phát hiện bệnh nhân mới. Trong năm không có bệnh nhân phong mới.

5.1.3.8. Chương trình Chăm sóc sức khỏe tâm thần dựa vào cộng đồng:

Số bệnh nhân hiện quản lý tại cộng đồng là 149 người. Triển khai mới chương trình mục tiêu tâm thần dựa vào cộng đồng tại 7 xã, thị trấn; nâng tổng số xã triển khai dự án đạt 12/12 xã, thị trấn.

5.1.3.9. Các dịch bệnh khác:

Thực hiện tốt công tác chỉ đạo, giám sát, phối hợp với trạm y tế và các ban ngành đoàn thể không để dịch bệnh xảy ra trên địa bàn.

5. 2. Công tác khám chữa bệnh(Phụ lục 4)

5.2.1. Công tác khám chữa bệnh tại trung tâm:

- Chất lượng khám chữa bệnh ngày càng được nâng lên, công suất sử dụng giường bệnh đạt 117,4%.

- Mở rộng thêm nhiều dịch vụ kỹ thuật phục vụ bệnh nhân như Kéo dẫn cột sống, xét nghiệm phát hiện lao bằng máy Gene-Xpert...đặc biệt chú trọng và đầu tư phát triển chuyên khoa Y học cổ truyền- Phục hồi chức năng thu hút nhiều bệnh nhân điều trị. Không có tai biến do điều trị và an toàn trong sử dụng thuốc.

- Tổ chức tốt công tác khám chữa bệnh BHYT, khám chữa bệnh cho trẻ em. Thực hiện tốt QĐ 61/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 của UBND tỉnh về hỗ trợ một phần kinh phí KCB cho người nghèo.

- Thực hiện tốt các quy chế chuyên môn do Bộ y tế ban hành, đặc biệt là 12 điều y đức. Tạo mọi điều kiện tốt nhất cho người bệnh trong quá trình khám và điều trị tại TTYT.

- Làm tốt công tác giảm tải bệnh viện: Với số lượng bệnh nhân đến khám và điều trị ngày càng tăng, chỉ tiêu giường bệnh nội trú là 85 giường, TTYT đã chủ động kê thêm giường không để xảy ra tình trạng nằm đôi (giường thực kê là 125 giường); Tại Khoa Khám bệnh và Cận lâm sàng: Bố trí cho cán bộ làm thêm giờ để kịp thời giải quyết hết số bệnh nhân tồn đọng cuối ngày, bệnh nhân nội trú nếu không cấp cứu thì sẽ chuyển sang xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh vào buổi chiều để ưu tiên thực hiện các kỹ thuật cận lâm sàng cho bệnh nhân khám ngoại trú.

5.2.2. Công tác khám chữa bệnh tại Trạm y tế

Công tác khám chữa bệnh tại trạm y tế được duy trì thường xuyên, trong năm không xảy ra trường hợp tai biến do sai sót chuyên môn. Thực hiện đầy đủ các chương mục tiêu Y tế Quốc gia.

5.3. An toàn vệ sinh thực phẩm:

Trong năm không có vụ ngộ độc thực phẩm nào xảy ra trên địa bàn huyện, có một số ca ngộ độc lẻ tẻ nhưng được điều trị kịp thời, không có tử vong do ngộ độc thực phẩm.

Phối hợp với các ban ngành tiến hành kiểm tra các cơ sở trên địa bàn trong dịp tết nguyên đán, lễ hội Hang Bua và trong tháng hành động.

- Cơ sở kinh doanh, dịch vụ ăn uống được quản lý 1.008 cơ sở, trong năm: Số cơ sở được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP là 65, số người cấp Giấy xác nhận kiến thức là 75 người, số cơ sở ký cam kết trong kỳ báo cáo là 65. Tích lũy

5.4. Công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em:

5.4.1. Phòng chống suy dinh dưỡng:

Tổ chức các đợt truyền thông “Ngày vi chất dinh dưỡng; tuần lễ dinh dưỡng và phát triển; tuần lễ nuôi con bằng sữa mẹ”. Tổ chức tốt các buổi hướng dẫn thực hành dinh dưỡng tại các thôn bản.

Chỉ đạo các Trạm y tế xã tổ chức hiện cân trẻ dưới 2 tuổi hàng tháng để theo dõi và phát hiện kịp thời những trẻ có nguy cơ bị SDD để hướng dẫn bà mẹ cách chăm sóc trẻ.

Phòng thiếu máu dinh dưỡng bằng cách hướng dẫn cho bà mẹ có thai và cho con bú sử dụng viên sắt, uống dự phòng cho phụ nữ 15 đến 35 tuổi trên địa bàn, tuyên truyền dùng nước mắm có sắt.

- Tổ chức cân cho trẻ từ 6 đến 60 tháng tuổi và uống Vitamin A.

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi: 16,4%;

5.4.2. Chăm sóc sức khỏe sinh sản:

- Đặt DCTC: đạt 85%;

- Đình sản: đạt 85 %;

- Tiêm thuốc tránh thai: 112 đạt 22,4%.

5.5. Một số chương trình y tế khác:

5.5.1. Chương trình y tế học đường:

Kết hợp với phòng giáo dục, tổ chức tập huấn cho giáo viên và cán bộ y tế trường học về nghiệp vụ và kiến thức y tế học đường. Giám sát chất lượng sữa trong chương trình sữa học đường.

Trạm y tế xã/thị trấn phối hợp với nhà trường tổ chức khám sức khỏe răng miệng, tẩy giun sán cho các cháu học sinh.

5.5.2. Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường:

Tổ chức truyền thông về sử dụng nước sạch và VSMT trên hệ thống loa phát thanh xã, thôn bản và qua các buổi họp dân.

Thường xuyên chỉ đạo kiểm tra giám sát VSMT tại trạm y tế xã và tại thôn bản.

-Tổ chức hưởng ứng “Tuần lễ Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường”.

-Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh: 90,09%;

-Tỷ lệ hộ dân sử dụng hố xí hợp vệ sinh: 77,9%;

5.6. Công tác Dân số và Kế hoạch hoá gia đình:

5.6.1. Công tác Dân số-KHHGD

- Dân số trung bình 60.019 người; tổng sinh là: 779 trẻ giảm 81 trẻ so cùng kỳ, tỷ suất sinh: 12,97‰, giảm so với cùng kỳ 1,51‰, giảm so kế hoạch 1,31‰,

đạt 755%KH; trong đó, sinh con thứ 3⁺: 109 trẻ, tăng 19 trẻ so cùng kỳ, chiếm tỷ lệ 14.0%, tăng so cùng kỳ 3.53%, tăng so KH 3.63% (không đạt); tỷ số giới tính khi sinh 94 nam/100 nữ, giảm 12 trẻ em nam so với cùng kỳ.

- Tổng chết là: 297 người, tỷ suất chết 4,95‰;
- Tỷ suất phát triển dân số tự nhiên: 8.03‰;
- Tỷ lệ phát triển dân số: 0.98‰;

5.6.2 Thực hiện chỉ tiêu các biện pháp tránh thai trong năm

- Tổng số phụ nữ 15 - 49 tuổi có chồng 11.660 phụ nữ; các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng các biện pháp tránh thai đang còn tác dụng 7.750 đạt tỷ lệ 66,47%. Trong đó:

- Tổng các BPTT sử dụng mới đạt 2.984/3.023 ca. đạt 98,71% KH. Trong đó: các BPTT lâm sàng đạt: 946ca/chỉ tiêu giao 1.417ca, đạt 67%KH

Cụ thể:

- + Triệt sản: 12 ca/chỉ tiêu giao 05ca, đạt 240%KH;
- + Dụng cụ tử cung: 616 ca/chỉ tiêu giao 1.121ca. đạt 55%KH;
- + Thuốc tiêm tránh thai: 721ca/chỉ tiêu giao 260 ca. đạt 277%KH;
- + Thuốc uống tránh thai: 1.645ca/chỉ tiêu giao 1.351 ca. đạt 122%KH;
- + Thuốc cấy tránh thai: 26 ca/chỉ tiêu giao 31ca. đạt 83,8%KH;
- + Bao cao su: 655ca/chỉ tiêu giao 255ca. đạt 256%KH;

5.6.3. Thu thập thông tin dữ liệu 3.1

- Chỉ đạo, hướng dẫn đội ngũ chuyên trách, cộng tác viên thường xuyên rà soát, thu thập thông tin biến động dân số, biến động về sử dụng các biện pháp tránh thai tại cơ sở, cập nhật bổ sung các biến động dân số đầy đủ, kịp thời vào kho dữ liệu dân cư của huyện hàng tháng đúng tiến độ quy định. Trong năm đã hoàn thành việc rà soát, bổ sung sửa đổi dữ liệu dân cư của 12/12 xã, thị trấn được nâng cao chất lượng thông tin và chuyển dữ liệu về tỉnh.

- Tiến độ công tác rà soát tổng tỷ suất sinh năm 2016,2017 kịp thời đúng tiến độ quy định.

5.6.4. Công tác triển khai Chiến dịch CSSKSS/KHHGD

Thực hiện kế hoạch số 565/KH-SYT, ngày 23/03/2018 của Sở y tế Nghệ An về việc chỉ đạo triển khai chiến dịch năm 2018. Từ tình hình thực tế tại địa phương, Trung tâm Dân số-KHHGD huyện Quỳnh Châu tham mưu cho BCĐ thực hiện công tác dân số huyện Quỳnh Châu ban hành kế hoạch 01/KH-BCĐ, ngày 23/3/2018 của BCĐ thực hiện công tác dân số/KHHGD huyện Quỳnh Châu về việc triển khai chiến dịch CSSKSS/KHHGD năm 2018 trên địa bàn huyện Quỳnh Châu. Trung tâm DS-KHHGD đã phối hợp với phòng y tế, Trung tâm y tế, chỉ đạo Ban dân số các xã, thị trấn, các Trạm y tế xã chuẩn bị về cơ sở vật chất, trang thiết bị và phối hợp tổ chức các hoạt động truyền thông, vận động được đẩy mạnh xuống tận đối tượng để chị em phụ nữ trong độ tuổi đến khám, điều trị phụ khoa và sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại.

** Thực hiện chỉ tiêu giao trong chiến dịch trong năm 2018:*

Tổng các biện pháp tránh thai 2.005/2.360 ca, đạt 85% KH, trong đó biện pháp tránh thai lâm sàng: 587/754 ca, đạt 78% KH; phi lâm sàng đạt: 1.418/1.447 ca, đạt 98% KH.

Trong đó:

- Triệt sản: 6 ca/chỉ tiêu giao 5 ca, đạt 120%;
- Đặt vòng tránh thai: 396 ca/chỉ tiêu giao 595 ca, đạt 67%;
- Thuốc cấy tránh thai: 15 ca/chỉ tiêu giao 18 ca, đạt 83%;
- Thuốc tiêm tránh thai: 170 ca/chỉ tiêu giao 136 ca đạt 125%;
- Thuốc uống tránh thai: 1.120 ca/chỉ tiêu giao 1.149ca, đạt 97%;
- Bao cao su: 298 ca/chỉ tiêu giao 255 ca, đạt 117%.
- Gói dịch vụ khám phòng chống viêm nhiễm đường sinh dục cho chị em phụ nữ: Khám 848ca; điều trị 547 ca.

5.6.5. Kết quả thực hiện chính sách theo Nghị định 39 của Chính phủ

Kịp thời chi trả chính sách theo Nghị định số 39/NĐ-CP về chi trả chính sách cho phụ nữ dân tộc thiểu số sinh con đúng chính sách Dân số-KHHGD năm 2018 cho 129 đối tượng với số tiền là 258.000.000 đồng.

5.6.6. Công tác kiểm tra, giám sát đánh giá, thực hiện chính sách

- Trung tâm đã tham mưu xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện công tác Dân số-KHHGD và chú trọng đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, UBND xã, thị trấn.

- Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch số 22-KH/HU ngày 8/4/2016 của huyện ủy Quy Châu về công tác DS-KHHGD giai đoạn năm 2016-2018, kiểm tra thực hiện công tác DS-KHHGD năm 2018 trên toàn huyện.

5.7. Công tác đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ:

- Trong năm 2018, tại Trung tâm tiếp nhận 03 cán bộ tuyển dụng mới, bao gồm 01 bác sỹ, 01 điều dưỡng và 01 công nghệ thông tin; tại trạm y tế tiếp nhận 02 cán bộ, gồm 01 bác sỹ và 01 y sỹ.

- Tại trung tâm có 02 bác sỹ đang học CKI, 02 bác sỹ đang học CK sơ bộ, 01 cán bộ đang đi học liên thông y sỹ lên bác sỹ, 01 KTV xét nghiệm liên thông lên đại học.

- Tại trạm y tế xã: Có 01 y sỹ học lên bác sỹ.

- Hiện tại đang cử đi học chuẩn hóa trình độ cao đẳng 44 điều dưỡng, 13 hộ sinh, 12 dược và 03 kỹ thuật y.

- Số CTV hiện có: 178 CTV; mới thay thế 06 CTV.

- Số CTV được đào tạo, tập huấn: 178 CTV.

- Số viên chức dân số huyện, xã được tập huấn đạt 100%.

III. Đánh giá kết quả.

1. Kết quả làm được:

- Có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ đảng, chính quyền, sự phối hợp của các ban, ngành, đoàn thể từ huyện đến xã, nên nhận thức của nhân dân về công tác Y tế, DS/KHHGD được nâng lên rõ nét. Quy mô, mạng lưới Y tế được nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, sắp xếp đảm bảo tinh gọn hơn về đầu mối, hiệu quả hơn trong quản lý điều hành.

- Chất lượng công tác khám chữa bệnh được cải thiện đáng kể, các dịch vụ y tế ngày càng được nâng lên, triển khai thực hiện thêm một số dịch vụ kỹ thuật mới chuyên sâu nhiều hơn.

- Đội ngũ cán bộ được đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, chuyên khoa, chuyên sâu, số bác sỹ tăng 14 người, đạt tỷ lệ 7,5 bác sỹ/vạn dân. Năng lực các Y Bác sỹ được nâng lên.

- Công tác phòng, chống dịch bệnh đã được tăng cường, không có dịch bệnh lớn xảy ra. Công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, hành nghề y dược được quan tâm thực hiện. Xây dựng thêm 1 xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế, nâng tỷ lệ xã đạt BTCQG về y tế lên/12 xã đạt tỷ lệ 91,6%

2. Tồn tại:

- Một số cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể chưa quan tâm công tác Y tế - Dân số/KHHGD, nên chất lượng một số chỉ tiêu về bộ tiêu chí chuẩn quốc gia chưa đạt.

- Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe thực hiện chưa thường xuyên, hiệu quả chưa cao, nhận thức của người dân về một số dịch bệnh còn hạn chế, như phòng chống HIV/AIDS, vệ sinh môi trường.

- Công tác tuyên truyền, vận động và phối kết hợp giữa các ban ngành, đoàn thể thực hiện chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ kế hoạch đề ra. Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên tăng cao so cùng kỳ(đặc biệt có xã Châu Bình, Châu Hạnh)

- Cơ sở vật chất 1 số trạm y tế xã xuống cấp chưa được đầu tư(TYT xã Châu Thuận, Châu Hạnh). Một số trang thiết bị được đầu tư nhưng sử dụng hiệu quả thấp(Máy điện tim, máy siêu âm các trạm y tế).

- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn cao, Tỷ lệ sinh con thứ 3, số người nhiễm HIV cao và có xu hướng tăng.

- Chất lượng khám chữa bệnh trên một số lĩnh vực chưa đáp ứng yêu cầu, tinh thần thái độ phục vụ nhân dân của một số cán bộ chưa tốt.

- Công tác quản lý Nhà nước một số lĩnh vực còn hạn chế. Công tác xã hội hoá y tế còn yếu.

3. Nguyên nhân:

+ Nguyên nhân khách quan:

Các dự án, chương trình MTQG bị cắt giảm, thiếu kinh phí để đầu tư và triển khai thực hiện các chương trình, hoạt động y tế, DS/KHHGD.

- Chính sách DS-KHHGD của Đảng, nhà nước nói lỏng hơn trước. Chế tài xử lý vi phạm chính sách Dân số-KHHGD mang tính nói lỏng;

+ Nguyên nhân chủ quan:

- Một số cấp uỷ đảng, chính quyền chưa quan tâm đúng mức đến công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân.

- Công tác phối hợp giữa các ngành trong việc tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện xây dựng các công trình vệ sinh, giáo dục sức khỏe phòng chống dịch bệnh và vận động giảm sinh con thứ 3, mất cân bằng giới tính khi sinh thiếu nhịp nhàng, chưa hiệu quả.

- Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, bồi dưỡng nâng cao ý thức của ngành y tế, dân số chưa đi vào chiều sâu, một số cán bộ chưa có ý thức vươn lên, vi phạm chính sách sinh con thứ 3. Công tác đào tạo cán bộ Y tế còn nhiều bất cập, chạy theo bằng cấp chưa thực sự chú trọng đào tạo năng lực Bác sỹ. Trình độ chuyên môn, năng lực thực tiễn và nguồn nhân lực ngành y tế từ huyện đến xã còn hạn chế.

- Việc huy động các nguồn vốn để đầu tư cơ sở vật chất cho ngành y tế gặp nhiều khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo còn cao nên gặp khó khăn trong công tác xã hội hóa.

- Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện quy chế chuyên môn, y đức, khám chữa bệnh BHYT tại các cơ sở y tế chưa thường xuyên, chưa liên tục.
- Một số cán bộ, đảng viên, nhân dân tuy được tuyên truyền vận động nhưng vẫn cố tình sinh con thứ 3⁺ trở lên;

IV. Phương hướng nhiệm vụ năm 2018.

1. Mục tiêu:

- Không chế không để vụ ngộ lớn và dịch bệnh lớn xảy ra.
- Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

*** Một số chỉ tiêu cụ thể (phụ lục 5)**

2. Nhiệm vụ:

1.1. Thực hiện đạt chỉ tiêu, kế hoạch của tỉnh và huyện giao trong công tác Y tế, DS-KHHGD; đẩy mạnh công tác lãnh đạo thực hiện Kế hoạch số 22 - KH/HU ngày 08/4/2016 của Huyện ủy Quỳnh Châu về việc thực hiện công tác Dân số/KHHGD giai đoạn 2016 - 2020; Đề án số 11- ĐA/HU ngày 11/5/2016 về Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân giai đoạn 2016 – 2020.

1.2. Tiếp tục hưởng ứng các phong trào thi đua do cơ quan, đơn vị tổ chức, các phong trào thi đua do Bộ Y tế, huyện phát động; thực hiện đăng ký thi đua và kiện toàn các BCD bổ sung quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cho các ban chỉ đạo, cá nhân phụ trách.

1.3. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền và giáo dục sức khỏe, tuyên truyền vận động thực hiện công tác DS/KHHGD.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể trong công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe cho nhân dân. Khuyến khích, huy động mọi nguồn lực của cộng đồng tham gia các hoạt động bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, thực hiện công tác DS/KHHGD.

- Tuyên truyền, hướng dẫn trang bị kiến thức và kỹ năng trên các phương tiện thông tin truyền thông để mỗi người, mỗi gia đình chủ động phòng bệnh, xây dựng nếp sống văn minh, lành mạnh, xóa bỏ những thói quen, tập tục lạc hậu, lối sống ảnh hưởng có hại cho sức khỏe, mỗi gia đình chỉ nên sinh từ 1-2 con để nuôi dạy con tốt.

1.4. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hiện xây dựng xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã. Thực hiện sàng lọc trước sinh, sơ sinh; hạn chế mất cân bằng giới tính khi sinh

1.5. Xã hội hóa công tác y tế.

- Mở rộng dịch vụ phòng khám tư nhân chuyên khoa, một số dịch vụ y tế khác.

- Huy động nguồn lực trong nhân dân cho đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất trạm y tế, mua sắm trang thiết bị y tế.

1.6. Tăng cường kiểm tra công tác y tế, dân số/KHHGD.

- Tham mưu cho Huyện ủy, HĐND huyện, phối hợp liên ngành kiểm tra công tác y tế, DS/KHHGD.

2. Giải pháp

2.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền.

- Tiếp tục quán triệt sâu rộng và thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, Chỉ thị, kết luận của Trung ương, của Tỉnh về công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe

nhân dân trong tình hình mới. Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 09-CT/TU ngày 19/9/2012 của Ban Thường Vụ Tỉnh uỷ, Chỉ thị số 02-CT/HU ngày 12/10/2012 của Ban Thường vụ Huyện uỷ về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 26/9/2009 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tiếp tục đẩy mạnh công tác Dân số/KHHGD trong tình hình mới; thực hiện Kế hoạch số 22-KH/HU, ngày 08/4/2016 của Huyện uỷ Quỳnh Châu về việc thực hiện công tác Dân số - KHHGD giai đoạn 2016 - 2020; Đề án số 11-ĐA/HU ngày 11/5/2016 của BTV Huyện uỷ về nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân giai đoạn 2016 - 2020, nhằm nâng cao nhận thức trong các cấp uỷ đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, làm tốt công tác vệ sinh môi trường, coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng và thường xuyên.

- Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng và bồi dưỡng, nâng cao ý thức, tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước gắn với “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Khen thưởng, động viên kịp thời gương người tốt, việc tốt, xử lý nghiêm các tập thể, cá nhân vi phạm.

- Phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu trong mỗi cán bộ, công chức, viên chức ngành Y tế, DS/KHHGD, trước hết là cán bộ cốt cán, người đứng đầu, đảng viên với việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

2.2. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục sức khỏe, vận động thực hiện công tác DS/KHHGD:

- Tăng cường phối kết hợp của các ban ngành, đoàn thể trong công tác tuyên truyền vận động thực hiện KHHGD, kiên trì mỗi cặp vợ chồng sinh đủ 2 con, hạn chế sinh con thứ 3⁺.

- Tăng cường truyền thông, giáo dục sức khỏe, đa dạng các loại hình truyền thông, chú trọng đến những người có nguy cơ cao nhằm nâng cao nhận thức cho người dân về phòng bệnh hơn chữa bệnh, tự cải thiện các điều kiện chăm sóc sức khỏe cho bản thân, cho gia đình, đặc biệt trong việc thay đổi hành vi có lợi cho sức khỏe và vệ sinh môi trường. Vận động các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại; vận động người dân tham gia các hình thức BHYT.

2.3. Tăng cường nguồn lực, xã hội hóa y tế.

- Tăng nguồn đầu tư từ ngân sách để xây dựng mới, nâng cấp cơ sở hạ tầng, bổ sung các trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho nhân dân.

- Huy động đóng góp của nhân dân, tranh thủ nguồn hỗ trợ từ Trung ương, của tỉnh, nguồn viện trợ của các tổ chức quốc tế, từ các chương trình, dự án; Vận động nhân dân mua thẻ bảo hiểm y tế tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân; quản lý, sử dụng nguồn quỹ bảo hiểm y tế hợp lý và hiệu quả.

- Phát triển mở rộng dịch vụ y tế tư nhân.

- Thực hiện tốt tiếp thị xã hội hóa phương tiện tránh thai; truyền thông, vận động gia đình, xã hội chung tay chăm sóc người cao tuổi.

- Vận động nhân dân quan tâm đầu tư các điều kiện chăm sóc sức khỏe cải thiện vệ sinh môi trường, tự chăm lo cho sức khỏe.

2.4. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước

- Tăng cường công tác tham mưu, nâng cao hiệu quả, kỷ luật, kỷ cương trong quản lý Nhà nước về y tế, nhất là quản lý sử dụng quỹ bảo hiểm y tế; kiểm tra hành nghề y - dược tư nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm, cải cách hành chính và tinh thần thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ; đẩy mạnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác Dân số - KHHGD của các xã, thị trấn.

- Làm tốt công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, luân chuyển phù hợp đội ngũ cán bộ y tế xã.

2.5. Tăng cường công tác xây dựng xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế.

- Thực hiện đề xuất tỉnh/ huyện/xã lồng ghép các Chương trình, Dự án, huy động các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất các cơ sở y tế theo hướng đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành và đáp ứng các quy định đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

- Tiếp tục thực hiện tốt cơ chế chính sách khuyến khích xã đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã.

2.6. Làm tốt công tác thi đua khen thưởng, xây dựng mô hình:

- Tổ chức tổng kết đánh giá công tác y tế- DS-KHHGD, biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác Y tế -DS/KHHGD.

- Tổ chức tuyên truyền Kỷ niệm ngày Thầy thuốc Việt Nam, ngày Dân số thế giới 11/7; ngày Dân số Việt nam 26/12; nhân rộng các câu lạc bộ phòng chống HIV, mô hình đơn vị không có người sinh con thứ 3⁺.

V. Kiến Nghị đề xuất:

- Đề nghị UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí quản lý hành nghề y dược tư nhân.

- Hỗ trợ thêm kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu dân số/KHHGD/. *BT*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh(B/c);
- Sở Y tế, Chi cục DS/KHHGD tỉnh(B/c);
- TTHU, Ban TGHU(B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND(B/c);
- Phòng Y tế, TTDS/KHHGD, TTYT;
- Các xã, thị trấn Tân Lạc;
- Lưu: VT. *BT*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thanh Hà



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục kèm theo Báo cáo số: 01 /BC-UBND ngày 02 tháng 04 năm 2018 của UBND huyện

Phụ lục 1: Các văn bản tham mưu ban hành

STT	Số ký hiệu, ngày tháng ban hành	Nội dung	Cơ quan ban hành
1	Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 16/01/2018	Triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tết Nguyên đán Mậu Tuất và Lễ hội Xuân năm 2018	UBND huyện
2	Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 18/01/2018	Kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trước, trong và sau tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018	UBND huyện
3	Kế hoạch số 175/KH-UBND ngày 13/3/2018	Kế hoạch triển khai tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động năm 2018	UBND huyện
4	Kế hoạch số 302/KH-UBND ngày 12/4/2018	Kế hoạch triển khai tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2018	UBND huyện
5	Kế hoạch số 667/KH-UBND ngày 17/7/2018	Triển khai hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại cộng đồng giai đoạn 2018 – 2020.	UBND huyện
6	Kế hoạch số 365/KH-UBND ngày 19/4/2018	Kế hoạch hoạt động phòng chống HIV/AIDS trên địa bàn huyện Quỳnh Châu.	UBND huyện
7	Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 08/6/2018	Về việc Ban hành kế hoạch hành động đảm bảo an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn huyện Quỳnh Châu.	UBND huyện
8	KH số 80/KHPH/HPN-PYT ngày 02/5/2018	Kế hoạch phối hợp tổ chức Hội thi tìm hiểu kiến thức an toàn vệ sinh thực phẩm năm 2018	Phòng Y tế + HLHPN huyện
9	KH số 356/KH-UBND ngày 19/4/2018	Kế hoạch hoạt động phòng chống HIV trên địa bàn huyện Quỳnh Châu năm 2017	UBND huyện

10	Báo cáo số 200/ BC - UBND.YT, ngày 20/4/2018	Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 24-CT/TW ngày 04/7/2008 của Ban Bí thư về phát triển nền Đông y Việt Nam trong tình hình mới.	UBND huyện
11	Báo cáo số 160/BC - UBND ngày 03/4/2018	Báo cáo về việc một sản phụ tự vong do nghi phá thai	UBND huyện
12	Báo cáo số 193/BC - UBND ngày 18/4/2018	Báo cáo số liệu cơ sở hành nghề y - dược hoạt động trên địa bàn năm 2018	UBND huyện
13	Báo cáo số 254/BC - BND ngày 17/5/ 2018	Báo cáo kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về Bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2015 - 2018	UBND huyện
14	Báo cáo số 260/BC - BND ngày 17/5/ 2018	Báo cáo tháng hành động vì an toàn thực phẩm	UBND huyện
15	Báo cáo số 335BC - BND ngày 19/6/ 2018	Báo cáo kết quả 2 năm thực hiện Chỉ thị số 13/Ct-TTg, ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm	UBND huyện
16	Báo cáo số 450/BC - UBND ngày 06/8/2018	Báo cáo Kết quả ba năm thực hiện Đề án phát triển Y tế miền Tây Nghệ An giai đoạn 2015 - 2020	UBND huyện
17	Báo cáo số 526/BC - UBND ngày 20/9/2018	Báo cáo Kết quả thực hiện Quý III Chỉ thị số 13/Ct-TTg, ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm	UBND huyện
18	Công văn số 171/ UBND - YT ngày 13/3/2018	V/v Hướng dẫn làm lễ đón bằng xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế	UBND huyện
19	Công văn số 215/ UBND - YT ngày 19/3/2018	V/v Chấn chỉnh hoạt động hành nghề y - dược tư nhân	UBND huyện
20	Công văn số 286/ UBND - YT ngày 09/4/2018	V/v Hướng dẫn thực hiện xây dựng xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế	UBND huyện
21	Công văn số 304/ UBND - YT ngày 13/4/2018	V/v Phân công phát biểu tại Hội nghị triển khai tháng hành động vì an toàn thực phẩm	UBND huyện
22	Công văn số 730/ UBND -	V/v Báo cáo kết quả 2 năm thực hiện Đề Án số 11/ĐA/HU về	UBND huyện

	YT ngày 03/8/2018	chăm sóc sức khỏe nhân dân	
23	Báo cáo số -BC/HU ngày	Báo cáo kết quả 2 năm thực hiện Đề Án số 11/ĐA/HU về chăm sóc sức khỏe nhân dân	Huyện ủy

Phụ lục 2: Công tác phối hợp liên ngành

STT	Nội dung	Đơn vị phối hợp	Công văn, Thời gian
1	Tập huấn công tác khám tuyển sức khỏe nghĩa vụ quân sự theo Thông tư 16/2016/TTLT-BYT-BQP ngày 30/6/2016 cho Hội đồng khám tuyển sức khỏe nghĩa vụ quân sự huyện, Trưởng trạm y tế và chỉ huy trưởng BCHQS xã, thị trấn	Phối hợp giữa phòng Y tế với BCHQS, Trung tâm Y tế	Giấy mời số 981/GM-UBND ngày 29/10/2018
2	Tổ chức khám tuyển sức khỏe nghĩa vụ quân sự năm 2018, đảm bảo đủ số lượng và quân số được giao	Phối hợp giữa phòng Y tế với BCHQS, Trung tâm Y tế	QĐ số 2821/QĐ-UBND ngày 29/10/2018
3	Kiểm tra chất lượng VSATTP trước, trong và sau Tết Nguyên đán năm 2018, dịp Lễ Hội Hang Bua, dịp tháng hành động VSATTP, dịp thi tốt nghiệp phổ thông quốc gia, dịp tết Trung thu được 139 cơ sở, vi phạm 16 cơ sở, tiêu hủy 14 cơ sở, xử phạt 7 cơ sở số tiền 6.500.000 đồng.	- Phối hợp liên ngành(Phòng KT-HT, Công an, Nông nghiệp&PTNT, Trung tâm Y tế)	Quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 18/01/2018
4	Kiểm tra hành nghề y dược tư nhân, mỹ phẩm 19 cơ sở, xử lý vi phạm 01 cơ sở xử phạt số tiền 750.000 đồng; kiểm tra xử lý bà Đinh Thị Thanh Bản Ban xã Châu Phong thực hiện phá thai chui không có giấy phép số tiền 50.000.000 đồng	-Phối hợp liên ngành(Phòng KT-HT, Công an, Trung tâm Y tế)	Quyết định số 1160/QĐ-UBND ngày 21/5/2018
5	Thực hiện phân bổ chỉ tiêu kế hoạch thực hiện về lĩnh vực y tế, dân số cho các xã, thị trấn; kiểm tra đề xuất đầu tư xây dựng cơ sở vật chất các trạm y tế.	- Phối hợp giữa phòng Y tế với Phòng TC-KH	
6	Kiểm tra, chỉ đạo xây dựng xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế năm 2018. Trong năm đã tổ chức kiểm tra, rà soát lại các xã (Châu Bình, Châu Hội, Châu Hạnh, thị trấn Tân Lạc, Châu Tiến, Châu Bình, Châu Thuận, Châu Phong) đã được công nhận để đề xuất và giải pháp lãnh	- Phối hợp giữa phòng Y tế với Trung tâm Y tế, Trung tâm DS/KHHGD	Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 ;

	đạo, chỉ đạo thực hiện duy trì đạt chuẩn; chỉ đạo xây dựng mới xã Châu Hoàn và phối hợp tổ chức tập huấn công tác hành nghề y – dược tư nhân cho lãnh đạo UBND các xã, thị trấn; cán bộ thanh tra TTYT, Trưởng TYT, các cơ sở hành nghề y dược tư nhân; phối hợp trong công tác phòng chống dịch bệnh, HIV/AIDS.		Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 29/5/2018;
7	Kiểm tra, chỉ đạo xây dựng làng văn hóa, xã có thiết chế văn hóa đạt chuẩn quốc gia; tổ chức chăm sóc sức khỏe, kiểm tra ATTP, vệ sinh môi trường Lễ Hội Hang Bua.	- Phối hợp giữa Phòng Văn hóa & TT với phòng Y tế	
8	Chỉ đạo, kiểm tra xây dựng NTM.	- Phối hợp giữa Phòng NN&PTNT với phòng Y tế	
9	Tổ chức tuyên truyền Luật ATTP và các văn bản QPPL về ATTP.	- Phối hợp giữa phòng Y tế với Đài Truyền thanh – truyền hình	
10	Trong kiểm tra ATLĐ,PCCN và thẩm định xã phù hợp trẻ em.	- Phối hợp giữa phòng Y tế với Phòng LĐTĐ&XH	QĐ 1026/QĐ-UBND ngày 08/5/2018
11	Trong công tác tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe sinh sản, vị thành niên; các lễ phát động hưởng ứng tháng hành động vệ sinh ATTP, tháng hành động ngày toàn dân đi mua và sử dụng muối i ốt 02/11, tháng hành động phòng, chống HIV/AIDS 01/12, tháng hành động quốc gia về dân số và ngày dân số Việt Nam 26/12....	- Phối hợp giữa phòng Y tế, TTYT, TTDS/KHHGD với Huyện đoàn, Hội phụ nữ, Hội nông dân, các trường học	GM 518/GM-UBND ngày 01/08/2018; GM 1075/GM-UBND ngày 29/11/2018; GM 303 ngày 13/4/2018
12	Kiểm tra thẩm định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho 13 cá nhân. Cấp giấy xác nhận kiến thức cho 24 cá nhân; thẩm định: 01 cơ sở phòng khám sản khoa Hạnh - Khuyên; 01 phòng khám chuyên khoa Nhi Hoài Ân.	- Phối hợp Trung tâm Y tế	QĐ 1009/QĐ-UBND ngày 04/5/2018
13	Tổ chức cuộc thi tìm hiểu kiến thức về an toàn thực phẩm vì sức khỏe cộng đồng gồm có 9 đội dự thi và có trên 300 người từ BQL và nhân dân các thôn bản xã Châu Hạnh tham gia.	- Phối hợp với Hội liên hiệp phụ nữ huyện	Kế hoạch số 52/KH - PYT, ngày 28/4/2017
14	Kiểm tra các xã, thị trấn việc triển khai thực hiện Chỉ thị 09-CT/TU và	- Phối hợp giữa Trung tâm	

	kế hoạch của BTV huyện ủy về công tác dân số/KHHGD giai đoạn 2016 – 2020; phối hợp chỉ đạo, giám sát các xã, thị trấn triển khai chiến dịch chăm sóc sức khỏe sinh sản. Phối hợp với trường THPT, phòng Giáo dục và đào tạo tổ chức chương trình ngoại khóa “Tu vấn CSSKSS/vị thành niên, thanh niên, học sinh” đã thực hiện 6 điểm (Trường THCS Châu Hội, Châu Nga, Châu Tiên, Thắng; Châu Bình, Thuận; Châu Phong); tổ chức truyền thông vận động nhân dân hưởng ứng chiến dịch CSSKSS/KHHGD 02 đợt trong năm 2017 tại các xã, thị trấn. Phối hợp với đài Truyền thanh, truyền hình xây dựng 06 phóng sự về công tác DS/KHHGD.	DS/KHHGD với phòng Y tế	
15	Phối hợp các đoàn giám sát của HĐND huyện về công tác y tế, dân số.	- Phối hợp giữa Trung tâm DS/KHHGD với các ban, ngành, đoàn thể trong tuyên truyền cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện tốt chính sách về Dân số-KHHGD;	QĐ 01/QĐ-HĐND ngày 09/01/2018;
16	Tiếp tục tổ chức ký cam kết thực hiện chính sách DS-KHHGD theo Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 12/2/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ số 43/2015/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 về quy định một số chính sách DS-KHHGD trên địa bàn tỉnh Nghệ An.		
17	Tổ chức chương trình ngoại khóa “Tu vấn CSSKSS/vị thành niên, thanh niên, học sinh” đã thực hiện trên các điểm trường THCS (Hoàn Lãm, Bình Thuận, Tiên Thắng và tư vấn - siêu âm cho PTDTNT và trường PT Hạnh Thiết)	- Phối hợp giữa Trung tâm DS/KHHGD với phòng Giáo dục và đào tạo huyện	
18	Tổ chức thực hiện về việc thực hiện Đề án Chăm sóc người cao tuổi giai đoạn 2017-2025 trên địa bàn huyện Quỳnh Châu, đã tư vấn, khám, siêu âm và cấp phát thuốc cho 300 người cao tuổi trên địa bàn; Thị trấn, Châu Bình, Châu Hạnh đạt kết quả.	- Phối hợp giữa Trung tâm DS/KHHGD với Hội người cao tuổi huyện Quỳnh Châu	kế hoạch số 821/KH-UBND, ngày 09/10/2017 của UBND huyện Quỳnh Châu
19	- Chỉ đạo cán bộ viên chức các xã, thị trấn tham mưu cho Đảng ủy,		

Chính quyền địa phương, phối hợp với các đoàn thể quần chúng tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện chính sách Dân số-KHHGD, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, giảm sinh con thứ 3 trở lên, chăm sóc sức khỏe sinh sản cho đối tượng 15-49 tuổi có chồng.		
---	--	--

Phụ lục 3: Kết quả thực hiện các Chương trình mục tiêu y tế năm 2018

TT	CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN	Đơn vị	Năm 2018				Ghi chú
			Kế hoạch 2018	Kết quả 10 tháng	Ước thực hiện cả năm 2018	Kế hoạch năm 2019	
I	Chương trình phòng chống các bệnh lây nhiễm						
1	PC Sốt rét:						
	Dịch SR	Vụ		0	0		
	Số người mắc SR	BN		1	1		
	Tử vong do SR	BN		0	0		
	Số KSTSR (+)	BN		0	0		
	<i>Kinh phí</i>						
2	PC Lao:						
	Tổng số BN lao các thể phát hiện	BN		24	24		
	Lao phổi mới AFB (+)	BN	20	10	15	20	
	TL điều trị khỏi BN Lao (%)	%		90	100%	100%	
	<i>Kinh phí</i>			36,124,000	36,124,000		
3	PC Phong:						

	Số BN phong mới phát hiện:	BN		0	0		
	BN đa hoá trị liệu	BN		0	0		
	BN hoàn thành điều trị	BN		0	0		
	<i>Kinh phí</i>						
4	PC Sốt xuất huyết:						
	Số vụ dịch	Vụ		0	0		
	Số người mắc SXH	BN		0	0		
	Tử vong	BN		0	0		
	<i>Kinh phí</i>						
II	Chương trình phòng chống các bệnh không lây nhiễm						
1	CSSKTâm thần DVCD						
	<i>Tổng số xã/phường của huyện/tp/tx</i>	Xã/Phường		12	12	12	
	Số xã/phường mới triển khai DA	Xã/Phường		12	12	12	
	Số BN Tâm thần mới phát hiện:						
	<i>Bệnh nhân tâm thần phân liệt</i>	BN			2	2	
	<i>Bệnh nhân động kinh</i>	BN			1	1	
	Số BN ổn định hoà nhập CD:		100%				
	<i>Bệnh nhân tâm thần phân liệt</i>	BN			109	109	
	<i>Bệnh nhân động kinh</i>	BN			31	31	
	<i>Kinh phí</i>						
2	PC Tăng huyết áp						
	Số xã/phường triển khai DA	Xã/Phường	0		0		
	Số người được khám sàng lọc tăng HA	Người	500	600	600	500	
	Số người phát hiện THA	BN		161	161		
	<i>Kinh phí</i>			0	0		
3	PC Đái tháo đường						
	Số người được khám sàng lọc ĐTĐ	Người	0	0	0		
	Phát hiện mới	BN	0	0	0		

	<i>Kinh phí</i>						
4	Phòng chống ung thư						
	Số người được khám sàng lọc ung thư	Người	0	0	0	0	
	Số BN ung thư được phát hiện	BN	0	0	0	0	
	Số BN ung thư được chăm sóc điều trị	BN	0	0	0	0	
	<i>Kinh phí</i>						
5	An toàn truyền máu						
	Số máu và chế phẩm máu tiếp nhận và sử dụng (đơn vị)	Đơn vị		28750	28750		
	Số mẫu máu được sàng lọc trước truyền	Mẫu		28750	28750		
	Số lượng máu được truyền an toàn	Đơn vị		28750	28750		
	<i>Kinh phí</i>			59,783,000	59,783,000		
III	Các Chương trình mục tiêu khác						
1	TCMR:						
	* Tổng số trẻ em <1 tuổi trong năm	Trẻ em	1062	1170	1170	1170	
	Tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em dưới 1 tuổi	Trẻ em	0	800	1111		
		%		68,3%	95	96,6	
	* Tổng số phụ nữ đẻ trong năm	Bà mẹ		631	757		
	Tiêm AT2 cho PN có thai	Bà mẹ		624	748		
		%	100	98,8	98,8	99	
	<i>Kinh phí</i>						
2	PCSDDE < 5 tuổi:						
	* Tổng số trẻ đẻ ra sống được cân trong năm	Trẻ em		450	640		
	Số trẻ đẻ ra sống có trọng lượng dưới 2.500g	Trẻ em		14	20		
		%		5,6	3,7		
	* Tổng số trẻ < 5 tuổi được cân đo trong năm	Trẻ em		5279	5279		
	Suy dinh dưỡng trẻ em <5 tuổi (cân nặng/tuổi)	Trẻ em		866	866		
		%	16,2	16,4	16,4	15,2	
	<i>Kinh phí</i>						

3	CSSKSS:					
	Phụ nữ đẻ được khám > 3 lần/3 kỳ thai nghén trong năm	Bà mẹ	540			
		%	78,9			
	<i>* Tổng số trẻ đẻ ra sống trong năm</i>	Trẻ em	634	724		
	Tổng số tử vong mẹ trong năm	Bà mẹ	0	0		
	Tỷ suất tử vong mẹ/100.000 trẻ đẻ ra sống trong năm	Bà mẹ	0	0		
	Tổng số trẻ sơ sinh đẻ ra sống, tử vong trước 28 ngày sau sinh	Trẻ em	3	3		
	Tỷ suất tử vong sơ sinh/1.000 trẻ đẻ ra sống trong năm	‰	4,7	4,1		
	Tổng số trẻ dưới 1 tuổi tử vong trong năm	Trẻ em	2	2		
	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi/1.000 trẻ đẻ sống	‰	4,7	2,7		
	Tổng số trẻ dưới 5 tuổi tử vong trong năm	Trẻ em	2	2		
	Tỷ suất tử vong trẻ dưới 5 tuổi/1.000 trẻ đẻ sống	‰	3,2‰	2,7‰		
	Đặt DCTC	%	57,7%	85%		
	Đình sản	%	30	85%		
	Tiêm thuốc tránh thai	%	38,8	85,00%		
	Các đơn vị có KH đảm bảo công tác y tế PVKVPT và đảm bảo cho cho năm đầu chiến tranh		Có		Có	
	<i>Kinh phí</i>					
IV	Chương trình PC HIV/AIDS					
	Tổng số người hiện nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng		919	919		
	Số xã/phường có người nhiễm HIV mới	Xã/phường	12	12		
	Số người nhiễm HIV mới	BN	245	245		Giảm
	Số người chuyển sang AIDS	BN	509	509		
	Tử vong do AIDS	BN	275	275		
	<i>Kinh phí</i>		122,320,000	122,320,000		
V	Chương trình ATVSTP					

Số vụ ngộ độc TP	Vụ	0	0		
Số người mắc	Người	4	4		
Tử vong do ngộ độc TP	Người	1	1		
Tổng số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	Cơ sở	698	698		Y tế quản lý
Cơ sở SXKDTP được kiểm tra	Cơ sở	154	350		
	%	22%	50		
Cơ sở đạt tiêu chuẩn ATVSTP	Cơ sở	66	200		
	%	42,8%	57,1%		
VI CT Dân số –KHHGD					
Dân số trung bình (Theo số liệu của CCDS/KHHGD)	Người				
Mức giảm tỷ lệ sinh	%o				
Tỷ suất sinh	%o				
Tỷ số giới tính khi sinh	Trai /100 bé gái				
Sinh con thứ 3 trở lên trong năm	Bà mẹ	50	60		
	%	7,9	7,9		
Tỷ lệ phát triển DS	%				
Tỷ lệ cặp vợ chồng áp dụng BPTTHĐ	%				



Phụ lục kèm theo Báo cáo số: 01 /BC-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2019
của UBND huyện

Phụ lục 4: Kết quả khám chữa bệnh tại TTYT, Các Trạm y tế

***Kết quả khám chữa bệnh tại TTYT**

NĂM 2018				% SSKH	KH 2019
TT	Nội dung	Đơn vị	Thực hiện		
1	Giường bệnh kế hoạch	Giường	85	85	100
	Giường bệnh thực kê	Giường	125		130
2	Số lần khám bệnh chung	Lần	35.944	113	30.000
	Trong đó: Trẻ em dưới 6 tuổi	Trẻ	3.780		0
3	Bệnh nhân điều trị ngoại trú	Người	376	110	350
4	Bệnh nhân điều trị nội trú	Người	6.404	104	6000
	Y học cổ truyền	Người	532		0
5	Ngày điều trị trung bình	Ngày	5,2	115	6
6	Tổng số ngày điều trị nội trú	Ngày	36.408		0
7	Công suất sử dụng giường bệnh (%) (tính theo GB KH)	%	117.4	107,8	100%
8	Tỷ lệ bệnh nhân chuyển viện chung	%	10.1	11,9	<10%
9	Số bệnh nhân ngộ độc	Người	192		0
10	Số bệnh nhân cấp cứu	Người	1.293	882	0
11	Số tai nạn giao thông	Người	195	497	0
	Tổng số tử vong do tai nạn giao thông	Người	0		
12	Tổng số tử vong tại bệnh viện	Người	6	7	0
13	Số lần phẫu thuật	Lần	374	380	450
14	Số lần nội soi	Lần	585	3928	5.000
15	Số lần Xquang	Lần	11.973	12621	9.000
16	Số lần Siêu âm	Lần	11.363	8064	9.000
17	Số lần điện tim	Lần	1.708	828	0
18	Số lần Xét nghiệm	Lần	79.241	65278	100.000

***Kết quả khám chữa bệnh tại TYT**

TT	Nội dung	Chỉ tiêu KH	Thực hiện năm 2017	Đạt % so với KH	Số liệu cùng kỳ
1	Số lần khám bệnh chung		45.291	76,4%	49711
2	Trong đó: Số TE<6 tuổi		4.077		5576
3	Số BN điều trị ngoại trú		8.767		13297
4	Số BN điều trị nội trú		67		225
5	Số BN cấp cứu		35		48
6	Số BN tai nạn		82		122
7	Trong đó: TNGT		33		45
8	Số lần xét nghiệm		2.821		3089
9	Số lần siêu âm		00		00
10	Tổng số đẻ trong huyện		783		942
	Trong đó: đẻ tại trạm		69		123
	Số trẻ sơ sinh sống		785		1020
	Chết chu sinh		00		0
11	Số bà mẹ chết liên quan thai sản		01		00

Phụ lục 5: Một số chỉ tiêu cụ thể.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018		KH 2019
			Kế hoạch	TH năm 2018	
1	Xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế	Xã	01	01	0
2	Tỷ lệ xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế	%	91,6	91,6	91,6
3	Tỷ lệ trẻ em < 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	15,8	16,4	15,2
4	Tỷ lệ hộ dân được dùng nước hợp vệ sinh	%	91%	91,09	93
5	Tỷ lệ xã có bác sỹ	%	83%	91,6	100
6	Số Bác sỹ/ vạn dân	BS	6,7	7,5	8
7	Tỷ lệ trẻ em < 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ	%	96%	96,6	96
8	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	%	100	100	100
9	Tỷ lệ hộ dân có nhà tiêu hợp vệ sinh	%	75%	77,9	80
10	Tỷ lệ phát triển số	%0	1,0	8,03	1,0
12	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%0	10,0	0,74	9,0
13	Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3	%	0,1	+3,63	0,2
14	Mức giảm tỷ lệ sinh	%0	0,14	-1,31	0,0



Phụ lục kèm theo Báo cáo số: 01 /BC-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2018
của UBND huyện

Phụ lục 4: Kết quả khám chữa bệnh tại TTYT, Các Trạm y tế

***Kết quả khám chữa bệnh tại TTYT**

NĂM 2018				% SSKH	KH 2019
TT	Nội dung	Đơn vị	Thực hiện		
1	Giường bệnh kế hoạch	Giường	85	85	100
	Giường bệnh thực kê	Giường	125		130
2	Số lần khám bệnh chung	Lần	35.944	113	30.000
	Trong đó: Trẻ em dưới 6 tuổi	Trẻ	3.780		0
3	Bệnh nhân điều trị ngoại trú	Người	376	110	350
4	Bệnh nhân điều trị nội trú	Người	6.404	104	6000
	Y học cổ truyền	Người	532		0
5	Ngày điều trị trung bình	Ngày	5,2	115	6
6	Tổng số ngày điều trị nội trú	Ngày	36.408		0
7	Công suất sử dụng giường bệnh (%) (tính theo GB KH)	%	117.4	107,8	100%
8	Tỷ lệ bệnh nhân chuyển viện chung	%	10.1	11,9	<10%
9	Số bệnh nhân ngộ độc	Người	192		0
10	Số bệnh nhân cấp cứu	Người	1.293	882	0
11	Số tai nạn giao thông	Người	195	497	0
	Tổng số tử vong do tai nạn giao thông	Người	0		
12	Tổng số tử vong tại bệnh viện	Người	6	7	0
13	Số lần phẫu thuật	Lần	374	380	450
14	Số lần nội soi	Lần	585	3928	5.000
15	Số lần Xquang	Lần	11.973	12621	9.000
16	Số lần Siêu âm	Lần	11.363	8064	9.000
17	Số lần điện tim	Lần	1.708	828	0
18	Số lần Xét nghiệm	Lần	79.241	65278	100.000

***Kết quả khám chữa bệnh tại TYT**

TT	Nội dung	Chỉ tiêu KH	Thực hiện năm 2017	Đạt % so với KH	Số liệu cùng kỳ
1	Số lần khám bệnh chung		45.291	76,4%	49711
2	Trong đó: Số TE<6 tuổi		4.077		5576
3	Số BN điều trị ngoại trú		8.767		13297
4	Số BN điều trị nội trú		67		225
5	Số BN cấp cứu		35		48
6	Số BN tai nạn		82		122
7	Trong đó: TNGT		33		45
8	Số lần xét nghiệm		2.821		3089
9	Số lần siêu âm		00		00
10	Tổng số đẻ trong huyện		783		942
	Trong đó: đẻ tại trạm		69		123
	Số trẻ sơ sinh sống		785		1020
	Chết chu sinh		00		0
11	Số bà mẹ chết liên quan thai sản		01		00

Phụ lục 5: Một số chỉ tiêu cụ thể.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018		KH 2019
			Kế hoạch	TH năm 2018	
1	Xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế	Xã	01	01	0
2	Tỷ lệ xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế	%	91,6	91,6	91,6
3	Tỷ lệ trẻ em < 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	15,8	16,4	15,2
4	Tỷ lệ hộ dân được dùng nước hợp vệ sinh	%	91%	91,09	93
5	Tỷ lệ xã có bác sỹ	%	83%	91,6	100
6	Số Bác sỹ/ vạn dân	BS	6,7	7,5	8
7	Tỷ lệ trẻ em < 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ	%	96%	96,6	96
8	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	%	100	100	100
9	Tỷ lệ hộ dân có nhà tiêu hợp vệ sinh	%	75%	77,9	80
10	Tỷ lệ phát triển số	%0	1,0	8,03	1,0
12	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%0	10,0	0,74	9,0
13	Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3	%	0,1	+3,63	0,2
14	Mức giảm tỷ lệ sinh	%0	0,14	-1,31	0,0